

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **15/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày: 25/04/2019

V/v “*Ly hôn và nuôi con chung*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Điền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Phước Đức

2. Ông Huỳnh Thanh Trông

Nơi công tác: Huyện Đoàn huyện Phú Quốc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Đình Toàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Ông Nguyễn Văn Trung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 377/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11/10/2018 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày, 22/03/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 09/4/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1977.

*** Bị đơn:** Anh Phan Văn L, sinh năm 1976.

*** Con chung:**

1. Cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 12/9/2001.

2. Cháu Phan Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/5/2004.

Cùng địa chỉ: T. 5, KP 3, thị trấn AT, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang.

(Chị H có mặt, anh Linh vắng mặt, cháu Th và cháu Ng có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:** Vào năm 2000, chị và anh Phan Văn L tìm hiểu yêu thương nhau được cha mẹ hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT nay là Ủy ban nhân dân thị trấn AT, huyện PQ, tỉnh Kiên

Giang vào ngày 12 tháng 12 năm 2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Phan Thị Phương Th, sinh ngày 12/9/2001 và Phan Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/5/2004.

Vợ chồng anh, chị không tạo dựng được tài sản gì chung, không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, vui vẻ, nhưng thời gian sau này tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài do vợ chồng thường xuyên cự cãi bất đồng quan điểm sống, anh L thường xuyên hành hung đánh đập chị, không quan tâm đến gia đình và các con. Vì thương con chị H đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau lo cho các con ăn học nên người nhưng không có kết quả mà tình cảm của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn L.

Về con chung: Chị H và anh L có 02 người con chung tên Phan Thị Phương Th, sinh ngày 12/9/2001 và Phan Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/5/2004. Tùy các con có nguyện vọng sống chung với cha hoặc mẹ thì người đó có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), nếu Phương Th và Thảo Ng có nguyện vọng sống chung với chị H thì chị H đồng ý và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Phan Văn L vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 02/11/2018 anh L trình bày:**

Vào năm 2000, anh và chị H tự tìm hiểu yêu thương nhau được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT nay là Ủy ban nhân dân thị trấn AT, huyện PQ, tỉnh Kiên Giang vào ngày 12 tháng 12 năm 2002.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Phan Thị Phương Th, sinh ngày 12/9/2001 và Phan Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/5/2004.

Về tài sản chung: Vợ chồng tạo dựng được 01 căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 30m² và 02 chiếc xe gắn máy đã cũ.

Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì tình cảm vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự

cãi nhau nhưng vợ chồng không sống ly thân. Nay trước yêu cầu khởi kiện của chị H thì anh L có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh L không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H vì anh L cho rằng còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Phan Thị Phương Th, sinh ngày 12/9/2001 và Phan Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/5/2004. Tùy các con có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), nếu Phương Th và Thảo Ng muốn sống chung với chị H thì anh L đồng ý và cấp dưỡng thì theo khả năng có bao nhiêu thì ông cho con bấy nhiêu, anh không ấn định số tiền cụ thể còn nếu hai con muốn sống chung với anh L thì anh L đồng ý và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng tạo dựng được căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 30m² và 02 chiếc xe gắn máy đã cũ. Về phần tài sản này vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Con chung Phan Thị Phương Th và Phan Thị Thảo Ng có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng tại biên bản ghi nhận ý kiến chị Th và chị Ng trình bày:** Cháu Th và cháu Ng là con ruột của anh Phan Văn L và chị Lê Thị H. Nếu cha mẹ ly hôn thì cả 02 cháu đều có nguyện vọng sống chung với mẹ, vì mẹ luôn chăm sóc và lo lắng cho 02 cháu đầy đủ về mọi mặt. Đây là sự tự nguyện của cháu Th và cháu Ng không ai ép buộc hay xúi giục.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc có ý kiến Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 48, 203 BLTTDS năm 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định pháp luật, tổng đạt các văn bản cho đương sự và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Tuy nhiên vụ án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không ảnh hưởng đến nội dung xét xử vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định BLTTDS, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản Điều 227 xét xử vắng bị đơn là phù hợp.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H được ly hôn với anh Phan Văn L.

Về con chung: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Phan Thị Phương Th, sinh ngày 12/9/2001 và cháu Phan Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/5/2004 cho chị Lê Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) phù hợp với nguyện vọng được sống chung với mẹ của cháu Th và cháu Ng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về tài sản chung: Chị H và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về công nợ chung: Chị H và anh L xác nhận không có nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị H yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung. Quy định pháp luật để giải quyết vụ án này là Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị H cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 anh L không quan tâm lo lắng cho gia đình để cùng với chị H xây dựng hạnh phúc, chăm sóc và nuôi dạy con ăn học nên người, thậm chí còn hành hung đánh đập chị H nên tình cảm vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn trầm trọng vì thế chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Phù hợp kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và những hộ dân sống lân cận nơi ở của chị H và anh L là cuộc sống anh L, chị H thường xuyên xảy ra cự cãi, lớn tiếng với nhau.

Đối với yêu cầu của chị H Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, hai người đã có con nhưng anh L lại không quan tâm đến vợ con mà còn hành hung đánh đập chị H, đã rất nhiều lần chị H khuyên nhủ nhưng anh L vẫn không thay đổi nên từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Tại biên bản ghi lời khai anh L cũng xác nhận tình cảm vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên hòa giải, Thẩm phán đã giải thích, động viên chị H nhưng chị H vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị H với anh L đều xác nhận có 02 con chung tên là Phan Thị Phương Th, sinh ngày 12/9/2001 và Phan Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/5/2004. Chị H có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng và cháu Th là được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Ng và cháu Th cho chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không có yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Do chị H và anh L không có yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về công nợ chung: Chị H và anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H được ly hôn với anh Phan Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Phương Th, sinh ngày 12/9/2001 và cháu Phan Thị Thảo Ng, sinh ngày 24/5/2004 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th và cháu Ng trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Phan Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Vì lợi ích mọi mặt của các con chung, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về tài sản chung: Do chị H và anh L không có yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về công nợ chung: Chị H, anh L xác nhận không có, Hội đồng xét xử miễn xét.

6. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0008006 ngày 08/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ, tỉnh Kiên Giang. Chị H đã nộp xong.

Anh Phan Văn L không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Phan Văn L vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện PQ;
- Chi cục THA dân sự huyện PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Điền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Điền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa